

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 312/2025/DS - ST

Ngày 22/9/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Bá Tiến**.

2. Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Mỹ Thương** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Quỳnh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 90/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng **TMCP Q (N)**. Địa chỉ trụ sở chính: B L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Bùi Thị Thanh H** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Minh Đ** – Chức vụ: Phó Phòng Xử lý nợ miền B – TT Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Q (Theo Giấy ủy quyền số 1855/2024/UQ-CTHĐQT ngày 12/9/2024 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Q). Ủy quyền lại cho: Ông **Nguyễn Văn T** – Chức vụ: Trưởng bộ phận – Phòng XLN miền B – TT Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Q, ông **Võ Đức Nhật H1**, ông **Dương Hồ V** và bà **Vũ Thị Hồng P** – Chức vụ: Chuyên viên – Phòng XLN miền B - TT Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Q (Theo Giấy ủy quyền số: 695/2025/GUQ-BĐH.NCB ngày 07/02/2025). Địa chỉ liên hệ: A N, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông V có mặt.

- Bị đơn: Bà **Ngô Thị T1** – Sinh năm: 1990 và ông **Thiều Quang P1** – Sinh năm: 1992. Địa chỉ: Tổ C, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng (nay là phường N, Tp Đà Nẵng). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân Hàng TMCP Q (N) – Chi nhánh Đ1 – P2 (nay là PGD Nguyễn Văn L) và bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 có ký kết - Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 069/20/HĐCV-9356 ngày 10/11/2020, cụ thể:

- + Số tiền vay: 1,150,000,000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).
- + Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng số C20ADA078 ngày 29/10/2020, bên B (bên được cho vay) hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng tiền vay hợp pháp, đúng với thỏa thuận của hai bên;
- + Thời hạn vay: 84 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân;
- + Lãi suất trong hạn: Lãi suất kỳ đầu tiên: LSV trong 12 tháng đầu tiên là 8,49%/năm. LS kỳ tiếp theo điều chỉnh 03 tháng một lần theo công thức $LSV = LSCS + 4,3\%/năm$;
- + Lãi quá hạn : bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- + Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 đã ký với N – Chi nhánh Đ1- PGD T (nay PGD Nguyễn Văn L) - Hợp đồng thế chấp ô tô số 069/20/HĐTC-9356 ngày 10/11/2020. Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô con hiệu MERCEDES-BENS, loại xe C 180 205, biển kiểm soát: 43A – 574.87, màu sơn: Đen, số chỗ: 05, số khung: 7GXILV008217, số máy: 491530281532, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097884 do Công an T2 cấp cho bà Ngô Thị T1 ngày 06/11/2020. Tài sản bảo đảm nêu trên đã được đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật.

Tính đến hết ngày 21/9/2025, bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 đã trả nợ cho N tổng số tiền là: 875,399,821 đồng, bao gồm: 520,236,401 đồng nợ gốc và 355,163,420 đồng nợ lãi.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ đã ký. NCB đã làm việc và gửi thông báo yêu cầu bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 vẫn không trả nợ. Vì vậy, N đã khởi kiện bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 ra TAND khu vực 2, TP Đà Nẵng để buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

KH dùng đóng nợ quá hạn từ ngày 10/1/2024.

Tính đến ngày 22/9/2025, bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 còn nợ N tổng số tiền là

- Nợ gốc : 629,763,599 đồng
- Lãi trong hạn chưa trả : 117,112,703 đồng
- Lãi quá hạn trên gốc : 48,743,278 đồng
- Lãi chậm trả lãi : 10,578,955 đồng
- Tổng nợ : **806,198,535 đồng**
- **Căn cứ khởi kiện**

Bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 đã vi phạm Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 1, 2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng. Căn cứ điểm 1 khoản 1, Điều 11

Hợp đồng tín dụng NCB đã thực hiện việc thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận và yêu cầu tòa án giải quyết là có căn cứ.

- Lãi và lãi suất:

Căn cứ theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật, N kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2, TP Đà Nẵng xem xét tuyên chấp nhận về lãi lãi suất như sau:

+ Căn cứ thời điểm xác lập hợp đồng vào ngày 10/11/2020; Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 7 thỏa thuận về các khoản phải trả, theo đó bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 có nghĩa vụ phải trả cho NCB các khoản gồm nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi quá hạn gốc và lãi chậm trả lãi; căn cứ Khoản 3, 4 Điều 10 thỏa thuận về lãi suất áp dụng trong trường hợp chậm trả gốc và chậm trả lãi tại Hợp đồng tín dụng, thì các bên thỏa thuận như sau: Lãi quá hạn gốc bằng 150% lãi trong hạn và lãi chậm trả lãi là 10%/1 năm đối với số tiền lãi phải trả nhưng không trả.

+ Căn cứ Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về lãi và lãi suất trong hợp đồng tín dụng Khoản 2, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao quy định về việc xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì việc N đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận về lãi, lãi suất gồm: lãi trong hạn (theo thỏa thuận, hiện tại bằng LSCS + 4,3%/ 1 năm tương đương 13,5%/1 năm thời điểm hiện tại); lãi quá hạn gốc, bằng 150% lãi suất trong hạn (hiện tại bằng 20,25%/năm); lãi chậm trả lãi bằng 10%/ 1 năm là có căn cứ và đúng pháp luật.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định về áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng.

Từ những căn cứ nêu trên, N kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 TP Đà Nẵng xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q và:

Buộc bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 phải thanh toán cho N tổng số tiền tính đến ngày 22/9/2025 là: **806,198,535 đồng** (*Tám trăm lẻ sáu triệu một trăm chín mươi tám nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*), trong đó bao gồm nợ gốc là 629,763,599 đồng và nợ lãi là 176,434,936 đồng (gồm: lãi trong hạn: 117,112,703 đồng, lãi quá hạn: 48,743,278 đồng, lãi chậm trả lãi: 10,578,955 đồng).

Buộc bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký với N kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà bà Ngô Thị T1 và ông Thiệu Quang P1 không thực hiện trả cho N toàn bộ số tiền nợ nêu trên và lãi phát sinh thì N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Các tài sản bảo đảm là: Xe ô tô con hiệu MERCEDES-BENS, loại xe C 180 205, biển kiểm soát: 43A – 574.87, màu sơn: Đen, số chỗ: 05, số khung: 7GXILV008217, số máy: 491530281532, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097884 do Công an T2 cấp cho bà Ngô Thị T1 ngày 06/11/2020.

Nếu số tiền thu được từ quá trình phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thu

hồi nợ, bà Ngô Thị T1 và ông Thiều Quang P1 phải tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho N theo hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn- bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, bị đơn không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các bên đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng; Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 280, Điều 299, Điều 303, Điều 320, Điều 322 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7, Điều 8 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1: Buộc bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền (tạm tính đến ngày 22/09/2025): 806.198.535 đồng (gốc: 629.763.599 đồng; lãi trong hạn: 117.112.073 đồng, lãi quá hạn: 48.743.278 đồng, lãi chậm trả lãi: 10.578.955 đồng). Bà T1, ông P1 tiếp tục trả lãi và các khoản phát sinh trên tổng số chưa thanh toán kể từ ngày 23/09/2025 đến ngày Bà T1, ông P1 thanh toán hết các nghĩa vụ cho Ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là: 01 xe ô tô con hiệu MERCEDES-BENS, loại xe C 180 205, biển kiểm soát: 43A – 574.87, màu sơn: Đen, số chỗ: 05, số khung: 7GXILV008217, số máy: 491530281532, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097884 do Phòng C Công an T2 cấp cho bà Ngô Thị T1 ngày 06/11/2020. Trường hợp bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP Q hoàn trả lại cho bà Ngô Thị T1 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097884 do Phòng C Công an T2 cấp ngày 06/11/2020 theo quy định tại **Điều 322** BLDS.

Buộc bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 phải chịu án phí và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm

a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

- Bị đơn bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 069/20/HĐCV-9356 ngày 10/11/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở nhưng bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 vẫn không trả được nợ. Như vậy, bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Tòa án buộc bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền (tạm tính đến ngày 22/09/2025): 806.198.535 đồng (gốc: 629.763.599 đồng; lãi trong hạn: 117.112.073 đồng, lãi quá hạn: 48.743.278 đồng, lãi chậm trả lãi: 10.578.955 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận.

[2.2] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 23/9/2025 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại: Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 069/20/HĐCV-9356 ngày 10/11/2020 cho đến khi bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.3] Xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp ô tô số 069/20/HĐTC-9356 ký ngày 10/11/2020 giữa bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 với Ngân hàng TMCP Q thì tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay bao gồm: 01 xe ô tô con hiệu MERCEDES-BENS, loại xe C 180 205, biển kiểm soát: 43A – 574.87, màu sơn: Đen, số chỗ: 05, số khung: 7GXILV008217, số máy: 491530281532, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097884 do Phòng C Công an T2 cấp cho bà Ngô Thị T1 ngày 06/11/2020.

Qua xem xét và đánh giá chứng cứ liên quan đến tài sản thế chấp, HĐXX xét thấy việc thế chấp tài sản được thực hiện đúng nội dung và hình thức, có đăng ký

giao dịch bảo đảm nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, trường hợp bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 không thanh toán được nợ thì tài sản thế chấp nêu trên cần phải xử lý theo **điều 299, 303, 320** Bộ luật dân sự để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Trường hợp bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP Q hoàn trả lại cho bà Ngô Thị T1 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097884 do Phòng C Công an T2 cấp ngày 06/11/2020 theo quy định tại **Điều 322** BLDS.

[3] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn yêu cầu bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp 2.000.000 đồng. Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng chi phí trước đó nên cần buộc bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q được chấp nhận nên bị đơn là bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **khoản 2 Điều 227**; Điều 157; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 280; Điều 299, 303, 320, 322 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1.

Xử:

1. Buộc bà Ngô Thị T1, ông Thiệu Quang P1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/09/2025: **806.198.535 đồng** (góc: 629.763.599 đồng; lãi trong hạn: 117.112.073 đồng, lãi quá hạn: 48.743.278 đồng, lãi chậm trả lãi: 10.578.955 đồng).

2. Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 23/9/2025 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại: Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 069/20/HĐCV-9356 ngày 10/11/2020 cho đến khi bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 thanh toán xong khoản nợ.

3. Xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm: 01 xe ô tô con hiệu MERCEDES-BENS, loại xe C 180 205, biển kiểm soát: 43A – 574.87, màu sơn: Đen, số chỗ: 05, số khung: 7GXILV008217, số máy: 491530281532, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097884 do Phòng C Công an T2 cấp cho bà Ngô Thị T1 ngày 06/11/2020.

Trường hợp bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 hoàn tất xong khoản nợ thì phía Ngân hàng TMCP Q hoàn trả lại cho bà Ngô Thị T1 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097884 do Phòng C Công an T2 cấp ngày 06/11/2020 theo quy định tại **Điều 322** BLDS.

4. Án phí DS - ST: Bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 phải chịu là **36.185.956 đồng** (*Ba mươi sáu triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi sáu đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền tạm ứng án phí **16.682.367 đồng** (*Mười sáu triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm sáu mươi bảy đồng*) theo biên lai thu số 0010267 ngày 10/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

5. Chí phí xem xét thẩm định tại chỗ: **2.000.000 đồng** (*Hai triệu đồng*) buộc bà Ngô Thị T1, ông Thiều Quang P1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- VKSND KV2 - Đà Nẵng;
- THA dân sự TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ TRÂM